| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TÂN BIÊN**<br>**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 09'/2019/HNGĐ-ST
Ngày 12 - 4 - 2019'
*V/v ly hôn, nuôi con*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Oanh.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Trần Văn Tảo;

Bà Nguyễn Thị Tám.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trung Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Vịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 - 4 - 2019', tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019, về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09'/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/3/2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1974; cư trú tại: Ấp T, xã Thạnh Tây, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

*2. Bị đơn*: Anh Lê Hoàng P, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp T, xã Thạnh Tây, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 11/02/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - Chị Nguyễn Thị Kiều T trình bày:

Chị và anh P chung sống vợ chồng vào năm 2000, có đăng ký kết hôn; do tự nguyện. Cuộc sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn; vợ chồng

thường xuyên bất đồng quan điểm; anh P không còn quan tâm đến gia đình, anh ghen tuông vô cớ và dùng những lời lẽ thiếu tôn trọng chị, làm cho chị cảm thấy cuộc sống vợ chồng dù không cãi nhau nhưng không hạnh phúc, tạo nhiều áp lực tâm lý vô hình, gây tổn thương cho chị. Chị Nguyễn Thị Kiều T yêu cầu được ly hôn với anh P. Anh chị có hai con chung là cháu Lê Phương A đã đủ 18 tuổi, không yêu cầu giải quyết; cháu Lê Phương N, sinh ngày 09/01/2005. Nếu ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi cháu N theo nguyện vọng của cháu; không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Nguyễn Thị Kiều T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

**Anh Lê Hoàng P trình bày:**

Anh thống nhất với trình bày của chị T về quá trình chung sống và kết hôn. Tuy nhiên, anh không đồng ý về nguyên nhân gây ra mâu thuẫn.

Theo anh, vợ chồng không có xung đột gì lớn, chỉ là những cãi nhau như các gia đình khác và anh còn rất thương vợ nên anh hứa sẽ thay đổi tính tình, xin được đoàn tụ, không đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh Lê Hoàng P thống nhất với trình bày của chị T về họ tên, số lượng con chung và thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con chung nếu trường hợp xấu nhất là phải ly hôn; anh không cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu nhưng anh vẫn thăm con và phụ giúp tiền cho chị T nuôi con nếu anh đi làm có tiền. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Hoàng P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị Nguyễn Thị Kiều T đồng ý cho anh P cơ hội 01 năm để sửa đổi tính tình, tuy nhiên chị không đồng ý rút đơn khởi kiện.

Anh Lê Hoàng P thừa nhận do bản thân anh là trẻ mồ côi, hai mươi năm nay, anh được sống với chị và gia đình tại xã Thạnh Tây, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, anh rất hạnh phúc. Tuy nhiên, khi thấy chị trò chuyện điện thoại với người khác, anh đã nghi ngờ vô cớ, có những lời lẽ làm tổn thương vợ. Nay xin Tòa án cho anh chị được đoàn tụ, anh cam kết sẽ thay đổi bản thân, quan tâm vợ nhiều hơn, chú ý không làm tổn thương vợ, không ghen tuông, nghi ngờ không có căn cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến: Về thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (khóa XIV): Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T; chị T, anh P vẫn còn quyền và nghĩa

vụ vợ chồng. Về các vấn đề khác (con chung, tài sản chung, nợ chung) không đặt ra xem xét. Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét thấy cuộc sống vợ chồng của chị T và anh P có mâu thuẫn là sự thật được anh, chị tự thừa nhận. Tuy nhiên anh, chị có thời gian chung sống hạnh phúc lâu dài (từ năm 2000 đến năm 2018); mức độ mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, chị T cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh về tình trạng hôn nhân của anh, chị không hạnh phúc. Mặt khác, anh P lại kiên quyết không đồng ý ly hôn và cam kết nhiều lần trước tòa rằng anh sẽ thay đổi bản thân, biết quan tâm hơn đến vợ, con. Tại phiên tòa, chị T đồng ý cho anh P thời gian 01 năm để thay đổi bản thân, xây dựng lại gia đình hòa thuận. Tổng hợp các lý lẽ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng, cần cho cuộc hôn nhân của chị T, anh P một cơ hội để hàn gắn nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T; chị T, anh P vẫn là vợ chồng. Về các vấn đề khác (con chung, tài sản chung, nợ chung) không đặt ra xem xét.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Kiều T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về hôn nhân) theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (khóa XIV).

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (khóa XIV):

1. Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều T, chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Lê Văn P vẫn là vợ chồng.

Sau một năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Nguyễn Thị Kiều T được quyền khởi kiện lại vụ án nếu chị T có yêu cầu.

2. Về con chung: Không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kiều T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm (về hôn nhân) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, do chị Trinh đã nộp theo biên lai thu số 0006019 ngày 14/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Lê Văn P đều có mặt tại phiên tòa nên thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- Phòng KTrNV-THA, TANDTTN;
- VKS huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- UBND xã Thạnh Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (O).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Oanh**